

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Vụ dân sự thụ lý số 323/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 về Vụ yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Bà **Phạm Thị Thúy V** - sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ 18, phường A, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

- Ông **Nguyễn Vũ H** - sinh năm 1991.

Địa chỉ: 245 đường H, quận HC, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Thúy V và ông Nguyễn Vũ H đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND phường Bình Hiên, quận HC, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 06 An Nhơn 10, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình cũng như quan điểm sống không phù hợp. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn quan và yêu thương nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không thể hòa hợp được. Vợ chồng cũng đã cho nhau cơ hội sửa sai, hàn gắn nhiều lần nhưng cũng không thể khắc phục. Vợ chồng đã sống ly thân, phần ai nấy sống nên đề nghị Toà án công nhận Vụ thuận tình ly hôn

Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải theo hướng đoàn tụ, các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông H và bà V đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, Vụ thuận tình ly hôn của ông H và bà V là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó căn cứ

Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình để công nhận thuận tình ly hôn cho ông H và bà V.

[2] Về con chung: Bà Phạm Thị Thúy V và ông Nguyễn Vũ H thống nhất có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 29/4/2015 và Nguyễn Hoàng Ph; sinh ngày 29/4/2015. Ly hôn, bà V sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và ông H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/1 tháng/2 con cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà V thống nhất không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau :

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Vũ H và bà Phạm Thị Thúy V thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Vũ H và bà Phạm Thị Thúy V thống nhất vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 29/4/2015 và Nguyễn Hoàng Ph; sinh ngày 29/4/2015.

Ly hôn, bà Phạm Thị Thúy V sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung trên và ông Nguyễn Vũ H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/1 tháng/2 con cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung : Ông Nguyễn Vũ H và bà Phạm Thị Thúy V thống nhất vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Vũ H và bà Phạm Thị Thúy V thống nhất vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết Vệc hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông H và bà V phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã

nộp theo biên lai thu số 0006608 ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận HC, thành phố Đà Nẵng. Ông H và bà V đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSNDQ. HC.
- CCTHADSQ. HC
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Hà Thị Thanh Nga